



CHÍNH SÁCH HOA HỒNG, THƯỜNG CỦA CTCP HARAMI-TRADE ĐỐI VỚI CỘNG TÁC VIÊN KINH DOANH

(Áp dụng từ ngày 11/11/2025 cho đến khi có thông báo mới)

1. Đối tượng áp dụng:

- Tất cả các cộng tác viên thuộc hệ thống CTCP Harami-Trade

2. Tiêu chí:

- Phát triển tối thiểu: 03 Khách hàng – phát sinh giao dịch.
- Doanh thu thuần tối thiểu: Đạt doanh thu 10.000.000 VNĐ

3. Định nghĩa các khái niệm

- Tỷ lệ % hoa hồng được tính trên cơ sở doanh thu thuần.
- Doanh thu thuần được xác định bằng tiền dựa trên khối lượng giao dịch phát sinh trong 01 tháng và được tính toán theo công thức sau:

$$\text{DOANH THU THUẦN} = \sum_{i=1}^n (a_i + b_i + c_i)$$

Trong đó:

- a_i : doanh thu từ số lot fullsize
- b_i : doanh thu từ số lot minisize
- c_i : doanh thu từ số lot microsize

DOANH THU fullsize = (Phí sở quy định – Phí sở thu – Các khoản giảm trừ) * số lot fullsize

DOANH THU minisize = (Phí sở quy định – Phí sở thu – Các khoản giảm trừ) * số lot minisize

DOANH THU microsize = (Phí sở quy định – Phí sở thu – Các khoản giảm trừ) * số lot microsize

với:

- Phí sở quy định: được cập nhật và niêm yết công khai tại sở hàng hoá - MXV;
- Phí sở thu: Số tiền sở hàng hoá - MXV nhận tùy vào loại hợp đồng hàng hóa;
- Các khoản giảm trừ: Bao gồm các khoản giảm trừ phí giao dịch trong các đợt ưu đãi phí giao dịch, dịch vụ ưu đãi phí giao dịch đối với khách hàng lớn và các khoản giảm trừ, ưu đãi phí CQG và tất cả các khoản làm giảm doanh thu nhận được từ sở hàng hoá - MXV.

BẢNG NIÊM YẾT CÔNG KHAI PHÍ THEO QUY ĐỊNH

STT	Ký hiệu	Hàng hóa	Sở giao dịch	Phí MXV quy định	Phí MXV thu
1	ZCE	Ngô	CBOT	350,000	150,000
2	ZSE	Đậu tương		350,000	150,000
3	ZLE	Dầu đậu tương		350,000	150,000
4	ZME	Khô đậu tương		350,000	150,000
5	ZWA	Lúa mỳ		350,000	150,000
6	XC	Ngô Mini		300,000	140,000
7	XB	Đậu tương Mini		300,000	140,000
8	XW	Lúa mỳ mini		300,000	140,000



9	ZRE	Gạo thô		350,000	150,000
10	KWE	Lúa mì Kansas		350,000	150,000
11	KCE	Cà phê Arabica	ICE US	350,000	150,000
12	CCE	Cacao		350,000	150,000
13	CTE	Bông		350,000	150,000
14	SBE	Đường		350,000	150,000
15	LRC	Cà phê Robusta	ICE EU	350,000	130,000
16	<i>QP</i>	<i>Dầu ít lưu huỳnh</i>		350,000	150,000
17	<i>QO</i>	<i>Dầu Brent</i>		350,000	150,000
18	QW	Đường trắng		350,000	150,000
19	TRU	Cao su RSS3	OSE/TOCOM	350,000	150,000
20	ZFT	Cao su TSR 20	SGX	350,000	150,000
21	FEF	Quặng sắt 62%		350,000	150,000
22	SIE	Bạc	COMEX	350,000	150,000
23	CPE	Đồng		350,000	150,000
24	MQI	Bạc Mini		300,000	130,000
25	MQC	Đồng Mini		300,000	130,000
26	SIL	Bạc Micro		250,000	120,000
27	MHG	Đồng Micro		150,000	80,000

4. Chính sách hoa hồng:

Cơ chế hoa hồng đối với Cộng tác viên kinh doanh:

Doanh thu thuần (triệu đồng)	Tỷ lệ % hoa hồng
$0 < DTT \leq 10$	25%
$10 < DTT \leq 50$	35%
$50 < DTT \leq 100$	40%
$100 < DTT \leq 200$	45%
$200 < DTT \leq 500$	50%
$500 < DTT$	55%

Ví dụ: Một cộng tác viên có khách hàng mở tài khoản và giao dịch. Kết quả cuối tháng khối lượng giao dịch có kết quả như sau:

- Khối lượng giao dịch fullsize – 150 lot Bạc kim
- Khối lượng giao dịch mini gồm 40 lot mini Ngô và 30 lot mini Đồng
- Khối lượng giao dịch micro gồm 20 lot micro Bạc và 10 lot micro Đồng

$$\begin{aligned} \text{Doanh thu thuần} &= 150 * 200.000\text{VNĐ} + 40 * 160.000 \text{ VNĐ} + 30 * 170.000 \text{ VNĐ} \\ &+ 20 * 130.000 \text{ VNĐ} + 10 * 70.000 \text{ VNĐ} = \mathbf{51.100.000 \text{ VNĐ}} \end{aligned}$$

⇒ Dựa vào bảng cơ chế hoa hồng có được tỷ lệ % hoa hồng được nhận = 40%.

⇒ Thành tiền = 40% * 51.100.000 VNĐ = 20.440.000 VNĐ

(lưu ý : số tiền này chưa bao gồm thuế TNCN theo quy định pháp luật)

5. Cơ chế thưởng đối với cộng tác viên kinh doanh:**- Hoàn thành đạt mốc doanh thu thuần:**

Doanh thu thuần (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)
DTT = 101	5
DTT = 201	10
DTT = 301	15
DTT = 401	20
DTT = 501	25

- Duy trì thời gian đồng hành với khách hàng:

Thời gian (ngày)	Thưởng trên doanh thu của KH (%)
> 90	2
> 180	5

- Đạt khối lượng giao dịch (micro, mini hay fullsize):

Khối lượng giao dịch (lot)	Thưởng (triệu đồng)
> 100	1
> 200	2
> 300	3
> 400	4
> 500	5

- Hoa hồng và thưởng được tính theo bậc thang.
- CTCP Harami-trade gửi chứng từ thu nhập cá nhân đến cộng tác viên và cộng tác viên có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đối với Nhà nước. Công ty sẽ tiến hành khấu trừ theo quy định trước khi chi trả.
- Thời gian chi trả: ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng.
- Thời gian đánh giá: 03 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN HARAMI-TRADE

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Khắc Thiên Tường